

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

ĐỀ ÁN

**TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG
HỆ CHÍNH QUY NĂM 2016**

Thanh Hoá, năm 2016

PHẦN 1

CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Trường Đại học Hồng Đức xây dựng đề án tuyển sinh năm 2016 trên cơ sở:

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 221/2005/QĐ-TTg ngày 09/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Chương trình Quốc gia phát triển nhân lực đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020”

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục đại học;

Công văn số 525/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 03/02/2016 của Bộ GD&ĐT về tổ chức kỳ thi THPT quốc gia và tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2016;

Công văn số 582/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 17/02/2016 của Bộ GD&ĐT về rà soát, cung cấp thông tin để xây dựng phần mềm quản lý thi THPT quốc gia và tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2016;

Kết quả thực hiện Đề án tuyển sinh 2015 và kết quả tuyển sinh những năm qua của Nhà trường,

Trường Đại học Hồng Đức xây dựng “Đề án tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2016”.

PHẦN 2

MỤC ĐÍCH VÀ NGUYÊN TẮC

LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH

Nhằm thực hiện chuyển dần phương thức tuyển sinh chung sang phương thức tuyển sinh riêng theo tinh thần tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học, Trường Đại học Hồng Đức xây dựng đề án tuyển sinh năm 2016 theo mục đích và nguyên tắc sau:

2.1. Mục đích

Mở rộng, nâng cao chất lượng đầu vào, phù hợp với điều kiện, đặc thù đào tạo của trường.

Đảm bảo chất lượng, đáp ứng chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo và nhu cầu nguồn nhân lực.

2.2. Nguyên tắc

Phù hợp với Luật Giáo dục Đại học và các văn bản quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT).

Căn cứ trên nhu cầu thực tế của người học và nhu cầu nguồn nhân lực theo từng ngành nghề cụ thể.

Đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch; tạo điều kiện thuận lợi tối đa, không gây phức tạp và tốn kém cho thí sinh.

Đảm bảo chất lượng và chỉ tiêu tuyển sinh đối với các ngành đào tạo.

PHẦN 3. PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH

I. Phương thức tuyển sinh

Trường Đại học Hồng Đức thực hiện tổ chức tuyển sinh đồng thời theo phương thức sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia và phương thức sử dụng kết quả học tập ở THPT; tổ chức thi các môn năng khiếu trong tổ hợp môn xét tuyển.

1. Phương thức 1: Sử dụng kết quả kỳ thi trung học phổ thông quốc gia

1.1. Tiêu chí xét tuyển

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT.
- Thí sinh có điểm thi kỳ thi THPT quốc gia 2016 tại cụm thi ĐH.
- Các thí sinh thuộc diện được tuyển thẳng không phải đăng ký xét tuyển, chỉ cần làm hồ sơ xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Đối với những thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau, nhà trường ưu tiên xét tuyển những thí sinh có điểm thi THPT quốc gia theo thứ tự ưu tiên: Điểm Toán, điểm Ngữ văn cao hơn phù hợp với ngành tuyển.

- Đối với xét tuyển đào tạo liên thông: Thí sinh đã tốt nghiệp TCCN, CĐ có điểm thi kỳ thi THPT quốc gia 2016 tại cụm thi ĐH và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng do Bộ GD&ĐT công bố.

- Riêng:

- + Ngành Giáo dục thể chất (D140206) tuyển sinh những thí sinh có ngoại hình cân đối, nam cao từ 1,65m, nữ cao từ 1,55m; điểm môn năng khiếu phải đạt từ 5,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10)

- + Ngành GD Mầm non điểm môn năng khiếu phải đạt từ 4,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10).

1.2. Lịch tuyển sinh

Theo kế hoạch, lịch trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thi các môn năng khiếu: ĐKDT từ ngày 03/5 đến 30/6/2016 tại Phòng Quản lý đào tạo; thời gian thi từ ngày 20-27/7/2016 (*có thông báo cụ thể*); khi cần thi năng khiếu bổ sung, nhà trường sẽ thông báo thời gian đăng ký và lịch thi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

1.3. Hình thức đăng ký xét tuyển của thí sinh

- Hình thức ĐKXT:

- + Thí sinh sử dụng mã số ghi trong Giấy chứng nhận kết quả thi THPT quốc gia để điền đầy đủ thông tin vào Phiếu ĐKXT (theo mẫu do Bộ GD&ĐT quy định);

- + Thí sinh ĐKXT qua bưu điện, trực tuyến (online) hoặc phương thức khác do Bộ GD&ĐT quy định,

Địa chỉ ĐKXT: Phòng Quản lý đào tạo - Trường Đại học Hồng Đức, số 565-Quang Trung - Phường Đông Vệ - Thành phố Thanh Hóa, Thanh Hóa.

- + Trong mỗi đợt xét tuyển, thí sinh không được thay đổi nguyện vọng ĐKXT.

- Thời gian ĐKXT: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.4. Ngành, tổ hợp môn xét tuyển và chỉ tiêu (dự kiến)

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
I	Bậc đại học			
1	Quản lý tài nguyên và môi trường	D850101	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Hóa-Sinh 3. Toán-Văn-T.Anh 4. Văn-Sử-Địa	70%
2	Kỹ thuật công trình xây dựng	D580201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	100%
3	Công nghệ kỹ thuật môi trường	D510406	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	70%
4	Kỹ thuật điện, điện tử	D520201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	70%
5	Công nghệ thông tin	D480201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	70%
6	Nông học (định hướng công nghệ cao)	D620109	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh 4. Toán-Văn-T.Anh	70%
7	Chăn nuôi (Chăn nuôi-Thú y)	D620105	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh 4. Toán-Văn-T.Anh	70%
8	Nuôi trồng thủy sản	D620301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh 4. Toán-Văn-T.Anh	70%
9	Bảo vệ thực vật	D620112	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh 4. Toán-Văn-T.Anh	70%
10	Lâm nghiệp	D620201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh 4. Toán-Văn-T.Anh	70%
11	Kinh doanh nông nghiệp	D620114	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh 4. Toán-Văn-T.Anh	70%

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
12	Kế toán	D340301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh 4. Toán-Văn-Hóa	100%
13	Quản trị kinh doanh	D340101	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh 4. Toán-Văn-Hóa	100%
14	Tài chính-Ngân hàng	D340201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh 4. Toán-Văn-Hóa	100%
15	Địa lí học (định hướng Địa chính)	D310501	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	70%
16	Xã hội học (định hướng Công tác xã hội)	D310301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	70%
17	Việt Nam học (định hướng Quản lý Du lịch-Khách sạn)	D220113	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	70%
18	Tâm lý học (định hướng Quản trị nhân sự)	D310401	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Hóa-sinh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	70%
19	Luật	D380101	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-T.Anh 3. Toán-Lý-Hóa 4. Văn-Sử-Địa	100%
20	Sư phạm Toán học	D140209	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	100%
21	Sư phạm Vật lí	D140211	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	100%
22	Sư phạm Hóa học	D140212	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Hóa-Sinh	100%

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
23	Su phạm Sinh học	D140213	1. Toán-Hóa-Sinh 2. Toán-T.Anh-Sinh 3. Toán-Văn-Sinh	100%
24	Su phạm Ngữ văn	D140217	1. Văn-Sử-Địa 2. Toán-Văn-T.Anh	100%
25	Su phạm Lịch sử	D140218	Văn-Sử-Địa	100%
26	Su phạm Địa lí	D140219	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	100%
27	Su phạm tiếng Anh	D140231	1. Toán-Lý-T.Anh 2. Toán-Văn-T.Anh	100%
28	Giáo dục Tiểu học	D140202	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-T.Anh 3. Toán-Văn-Năng khiếu (Đọc, kể diễn cảm và Hát)	100%
29	Giáo dục Mầm non	D140201	Toán-Văn-Năng khiếu (Đọc, kể diễn cảm và Hát)	100%
30	Giáo dục thể chất	D140206	Toán-Sinh-Năng khiếu (Bật xa tại chỗ và chạy 100m)	70%
II	<i>Bậc cao đẳng</i>			
1	Quản lý đất đai	C850103	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh 4. Toán-Văn-Anh	70%
2	Kế toán	C340301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh 4. Toán-Văn-Hóa	70%
3	Quản trị kinh doanh	C340101	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh 4. Toán-Văn-Hóa	70%
4	SP Ngữ văn (Văn-Sử)	C140217	1. Văn-Sử-Địa 2. Toán-Văn-T.Anh	100%
5	Giáo dục Mầm non	C140201	Toán-Văn-Năng khiếu (Đọc, kể diễn cảm và Hát)	100%

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
6	Giáo dục Tiểu học	C140202	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-T.Anh 3. Toán-Văn-Năng khiếu (Đọc, kể diễn cảm và Hát)	100%
7	SP Tiếng Anh	C140231	1. Toán-Lý-T.Anh 2. Toán-Văn-T.Anh	100%

1.5. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

- Thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng do Bộ GD&ĐT ban hành.

- Thí sinh thuộc diện ưu tiên (khu vực, đối tượng) được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển.

- Các trường hợp tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng Trường thực hiện theo các Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

1.6. Lệ phí tuyển sinh

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

1.7. Ưu nhược điểm của phương án tuyển sinh

Ưu điểm

- Sử dụng được kết quả của kỳ thi THPT quốc gia đảm bảo ngưỡng chất lượng đầu vào. Tiết kiệm được thời gian và tài chính cho thí sinh, nhà trường và xã hội.

- Đảm bảo tính công bằng trong công tác xét tuyển;

- Thí sinh thực hiện các thủ tục đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ và Trường đã được đăng công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Nhược điểm và giải pháp khắc phục

- Thí sinh có thể vừa nộp hồ sơ xét tuyển tại Trường và dự thi/xét tuyển vào các trường đại học khác, do vậy sẽ có một lượng thí sinh ảo.

- Cập nhật và công khai Thông tin tuyển sinh từng đợt để thí sinh và người nhà có lựa chọn phù hợp.

2. Phương thức 2: Sử dụng kết quả học tập ở trung học phổ thông

2.1. Tiêu chí xét tuyển

- Tốt nghiệp THPT;

- Đạo đức ba năm THPT xếp loại khá trở lên;

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng: Đối với bậc đại học, tổng điểm trung bình trong 3 năm học THPT của 3 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển đạt 18,0 trở lên (không có môn nào dưới 5,0). Riêng ngành Giáo dục thể chất: Tổng điểm trung bình được tính gồm 2 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển và điểm thi năng khiếu.

Đối với bậc cao đẳng, theo quy định của quy chế tuyển sinh hệ chính quy.

Điểm ưu tiên được cộng với tổng điểm trung bình các môn để được xét trúng tuyển. Điểm cộng ưu tiên khu vực và đối tượng được thực hiện theo quy định ưu tiên của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Khi đạt tất cả các điều kiện xét tuyển thì tổng điểm trung bình các môn xét tuyển được tính để xét tuyển. Quá trình xét tuyển được tính từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

- Thực hiện theo nguyên tắc tổng điểm TB cộng điểm ưu tiên khu vực và đối tượng lấy từ điểm cao đến hết chỉ tiêu.

- Đối với những thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau, nhà trường ưu tiên xét tuyển những thí sinh có điểm trung bình cộng 3 năm THPT của từng môn theo thứ tự ưu tiên: Điểm TBC Toán, điểm TBC Ngữ văn cao hơn phù hợp với ngành tuyển.

- Riêng ngành Giáo dục thể chất (D140206) tuyển sinh những thí sinh có ngoại hình cân đối, nam cao từ 1,65m, nữ cao từ 1,55m.

2.2. Lịch tuyển sinh

- Dự kiến tổ chức tiếp nhận ĐKXT Đợt 1 trong 12 ngày, các đợt tiếp theo mỗi đợt trong 10 ngày, cụ thể:

+ Đợt 1: ĐKXT từ ngày 01/8 đến hết ngày 12/8/2016. Thông báo kết quả ngày 17/8/2016, nếu chưa đủ chỉ tiêu xét tuyển tiếp:

+ Đợt 2: ĐKXT từ ngày 17/8 đến 26/8/2016 và thông báo kết quả trúng tuyển ngày 31/8/2016.

Nếu chưa đủ chỉ tiêu, nhà trường sẽ thông báo xét tuyển bổ sung công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Riêng ngành GD Thể chất có thi năng khiếu: ĐKDT môn năng khiếu từ ngày 03/5 đến 30/6/2015 tại Phòng Quản lý đào tạo; thời gian thi từ ngày 20-26/7/2016 (*có thông báo cụ thể*). Trường hợp tuyển chưa đủ chỉ tiêu, nhà trường sẽ thông báo thời gian đăng ký và lịch thi (bổ sung) trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2.3. Hình thức đăng ký của thí sinh

- Hồ sơ ĐKXT gồm:

+ Đơn đăng ký xét tuyển (*theo mẫu*);

+ Bản sao học bạ trung học phổ thông;

+ Bản sao bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời;

+ Giấy chứng nhận ưu tiên (*nếu có*);

+ 03 phong bì có dán tem và ghi rõ địa chỉ, số điện thoại liên hệ;

- Thí sinh có thể nộp chuyên phát hoặc trực tiếp tại trường.

- Địa chỉ ĐKXT: Phòng Quản lý đào tạo - Trường Đại học Hồng Đức, số 565-Quang Trung - Phường Đông Vệ - Thành phố Thanh Hóa, Thanh Hóa.

2.4. Ngành, tổ hợp môn xét tuyển và chỉ tiêu (dự kiến):

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
I	Bậc đại học			
1	Quản lý tài nguyên và môi trường	D850101	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Hóa-Sinh 3. Toán-Văn-T.Anh 4. Văn-Sử-Địa	30%
2	Công nghệ kỹ thuật môi trường	D510406	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	30%
3	Kỹ thuật điện, điện tử	D520201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	30%
4	Công nghệ thông tin	D480201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	30%
5	Nông học (định hướng công nghệ cao)	D620109	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh 4. Toán-Văn-T.Anh	30%
6	Chăn nuôi (Chăn nuôi-Thú y)	D620105	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh 4. Toán-Văn-T.Anh	30%
7	Nuôi trồng thủy sản	D620301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh 4. Toán-Văn-T.Anh	30%
8	Bảo vệ thực vật	D620112	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh 4. Toán-Văn-T.Anh	30%
9	Lâm nghiệp	D620201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh 4. Toán-Văn-T.Anh	30%
10	Kinh doanh nông nghiệp	D620114	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh 4. Toán-Văn-T.Anh	30%

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
11	Địa lí học (định hướng Địa chính)	D310501	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	30%
12	Xã hội học (định hướng Công tác xã hội)	D310301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	30%
13	Việt Nam học (định hướng Quản lý Du lịch-Khách sạn)	D220113	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	30%
14	Tâm lý học (định hướng Quản trị nhân sự)	D310401	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Hóa-sinh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	30%
15	Giáo dục thể chất	D140206	Toán-Sinh-Năng khiếu (Bật xa tại chỗ và chạy 100m)	30%
II	Bậc cao đẳng			
1	Quản lý đất đai	C850103	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh 4. Toán-Văn-T.Anh	30%
2	Kế toán	C340301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh 4. Toán-Văn-Hóa	30%
3	Quản trị kinh doanh	C340101	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh 4. Toán-Văn-Hóa	30%

2.5. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

- Thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng do Bộ GD&ĐT ban hành.

- Thí sinh thuộc diện ưu tiên (khu vực, đối tượng) được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển.

- Các trường hợp tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng Trường thực hiện theo các Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

2.6. Lệ phí tuyển sinh

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2.7. Ưu, nhược điểm của phương án tuyển sinh

Ưu điểm

- Lựa chọn được các thí sinh có đủ điều kiện về năng lực theo kết quả học tập ở THPT.

- Phù hợp với đặc thù các ngành đào tạo của trường và với chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.

- Tiết kiệm được thời gian và tài chính cho thí sinh, Nhà trường và xã hội.

- Thí sinh thực hiện các thủ tục đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ và Nhà trường đã được đăng công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Nhược điểm và giải pháp khắc phục

- Việc tổ chức gặp một số khó khăn ban đầu do thí sinh có thể sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để ĐKXT, đồng thời sử dụng kết quả học tập nên hồ sơ xét tuyển sẽ có ảo gây khó khăn cho việc sàng lọc và xét tuyển.

- Cập nhật và công khai Thông tin tuyển sinh từng đợt để thí sinh và người nhà có lựa chọn phù hợp.

3. Điều kiện thực hiện phương án tuyển sinh

Trường Đại học Hồng Đức đáp ứng đầy đủ các điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất quy định tại Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3.1. Về nhân lực:

a. Giảng viên cơ hữu theo khối ngành đến ngày 31/12/2015 (người)

TT	Khối ngành	Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học
1	Khối ngành I		6	25	122	24
2	Khối ngành II					
3	Khối ngành III			18	52	15
4	Khối ngành IV		4	9	14	2
5	Khối ngành V		3	17	74	8
6	Khối ngành VI					
7	Khối ngành VII		3	18	55	1
	Tổng số		16	87	317	50

b. Giảng viên cơ hữu các môn học chung đến ngày 31/12/2015 (người)

Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Tổng giảng viên quy đổi
			28	16	36

3.2. Cơ sở vật chất: Diện tích sàn xây dựng đến ngày 31/12/2015

Hạng mục	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1. Hội trường, giảng đường, phòng học các loại	31862,5
2. Thư viện, trung tâm học liệu	2685,5
3. Phòng thí nghiệm, phòng thực hành, nhà tập đa năng, xưởng thực tập	6083

3.3. Nguồn lực thực hiện phương thức tuyển sinh

- Căn cứ quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về công tác tuyển sinh, Hiệu trưởng trường quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc.

Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) của trường do Hiệu trưởng làm chủ tịch. HĐTS chịu trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo toàn bộ hoạt động tuyển sinh của trường.

Các ban giúp việc HĐTS do Hiệu trưởng - Chủ tịch HĐTS quyết định thành lập gồm: Ban Thư ký, Ban đề thi, Ban coi thi, Ban chấm thi, Ban tiếp sinh, Đoàn Thanh tra,... Nhân lực từ Ban Giám hiệu, phòng Quản lý đào tạo, phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, các khoa và đơn vị liên quan.

- Thông tin tuyển sinh năm 2016 của nhà trường được cập nhật và thông báo công khai, bao gồm: tên trường, ký hiệu trường, địa chỉ liên hệ, trình độ đào tạo, ngành đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh, vùng tuyển, phương thức tuyển sinh, tổ hợp môn xét tuyển, nội dung thời gian thi môn năng khiếu, hình thức đăng ký xét tuyển, ngưỡng đăng ký xét tuyển, công bố kết quả trúng tuyển, lịch trình nhập học và các thông tin, hướng dẫn, biểu mẫu liên quan khác.

- Chuẩn bị đầy đủ nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, văn phòng phẩm..., cho việc tổ chức tuyển sinh.

PHẦN 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác chuẩn bị tuyển sinh

Căn cứ quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về công tác tuyển sinh, thành lập Hội đồng tuyển sinh (HĐTS), các ban giúp việc:

- HĐTS của nhà trường do Hiệu trưởng làm chủ tịch Hội đồng và các Phó Hiệu trưởng là Phó chủ tịch Hội đồng, Trưởng phòng Quản lý đào tạo làm Ủy viên thường trực. HĐTS chịu trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo toàn bộ hoạt động tuyển sinh của trường.

- Giúp việc HĐTS gồm các ban: Ban Thư ký, Ban đề thi, Ban coi thi, Ban chấm thi, Ban tiếp sinh, Đoàn Thanh tra,...

Nhiệm vụ của mỗi thành viên, các Ban thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

- Thông báo công khai Thông tin tuyển sinh năm 2016 của nhà trường trên trang thông tin điện tử, phương tiện thông tin đại chúng, bao gồm: tên trường, ký hiệu trường, địa chỉ liên hệ, trình độ đào tạo, ngành đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh, vùng tuyển, phương thức tuyển sinh, tổ hợp môn xét tuyển, nội dung thời gian thi môn năng khiếu, hình thức đăng ký xét tuyển, ngưỡng đăng ký xét tuyển, công bố kết quả trúng tuyển, lịch trình nhập học và các thông tin, hướng dẫn, biểu mẫu liên quan khác.

- Chuẩn bị nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, văn phòng phẩm... cho việc tổ chức tuyển sinh.

2. Tổ chức tuyển sinh

- Dưới sự chỉ đạo của HĐTS, các ban giúp việc, phòng ban nhà trường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và chức năng được phân công.

- Ban thư ký tiếp nhận đăng ký thi, xét tuyển, cập nhật kết quả thi THPT quốc gia năm 2016, nhập điểm học tập THPT máy tính, xử lý điểm tạo cơ sở dữ liệu cho kỳ tuyển sinh, thực hiện các thống kê phục vụ quy trình tuyển sinh, loại và phản hồi những hồ sơ không đủ điều kiện tham gia xét tuyển đã công bố.

- Ban thư ký xử lý cơ sở dữ liệu về đăng ký dự thi và đăng ký xét tuyển của thí sinh, dự kiến các phương án tổ chức thi, xét tuyển trình Chủ tịch và HĐTS để tổ chức thi, xét tuyển theo đúng quy chế.

- Tổng hợp thông tin, căn cứ vào các quy định và chỉ đạo của Bộ GD&ĐT để xét trúng tuyển và công bố kết quả cho thí sinh, như lịch đã thông báo.

- Đoàn Thanh tra tuyển sinh thường xuyên giám sát quá trình thu nhận, nhập dữ liệu hồ sơ, tổ chức thi; công tác xét tuyển, tiếp sinh nhằm ngăn ngừa và xử lý kịp thời các hiện tượng tiêu cực.

- Phòng ban chức năng phối hợp chuẩn bị đầy đủ các hướng dẫn, biểu mẫu và trang thiết bị phục vụ cho quá trình tiếp nhận hồ sơ, lệ phí; xử lý dữ liệu đăng ký thi và xét tuyển; tổ chức thi, xét tuyển và tiếp nhận thí sinh trúng tuyển nhập học.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát quá trình thực hiện công tác tuyển sinh

- Trường thành lập Đoàn thanh tra tuyển sinh, gồm những cán bộ có tinh thần trách nhiệm cao, có uy tín với đồng nghiệp và có kinh nghiệm trong công tác thanh tra, nhất là thanh tra tuyển sinh.

- Đoàn thanh tra tuyển sinh của trường chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy định trong tất cả các khâu của công tác tuyển sinh; kịp thời phát hiện những sai sót, vi phạm và đề xuất các hình thức xử lý theo đúng quy định.

4. Việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan

- Công khai địa chỉ tiếp nhận thông tin, bằng chứng về các hiện tượng tiêu cực trong công tác tuyển sinh:

+ Hội đồng tuyển sinh của trường.

+ Đoàn thanh tra tuyển sinh.

+ Hòm thư góp ý của nhà trường.

- Trách nhiệm của người tố cáo các hiện tượng tiêu cực phải có bằng chứng cụ thể và được xác minh về tính chính xác.

- Các cá nhân và tổ chức tiếp nhận thông tin tố cáo phải bảo vệ nguyên trạng bằng chứng và xác minh tính chân thực của bằng chứng, có biện pháp ngăn chặn kịp thời và báo cáo với HĐTS để có biện pháp xử lý thích hợp.

5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo trước, trong và sau khi kết thúc tuyển sinh theo qui định

Nhà trường thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo kịp thời trong từng giai đoạn triển khai nội dung đề án tuyển sinh 2016.

Kết thúc kỳ tuyển sinh, nhà trường tiến hành tổng kết, đánh giá và rút kinh nghiệm, báo cáo Bộ GD&ĐT.

6. Sự phối hợp và hỗ trợ của các ban, ngành địa phương trong các khâu của công tác tuyển sinh

- Nhà trường báo cáo công tác tuyển sinh 2016 với UBND tỉnh Thanh Hóa, Sở GD&ĐT tỉnh Thanh Hóa, Phòng PA83 Công An tỉnh,... để nhận được sự quan tâm hỗ trợ và giúp đỡ.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thanh Hóa; Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Thanh Hóa cũng như các đơn vị truyền thông khác để tuyên truyền, hướng dẫn về kỳ thi tuyển sinh năm 2016.

- Phối hợp với các địa phương, các cơ sở giáo dục để xác minh tính chính xác của hồ sơ đăng ký xét tuyển.

PHẦN 5

LỘ TRÌNH VÀ CAM KẾT CỦA TRƯỜNG

1. Lộ trình

- Năm 2016 trường thực hiện tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy theo các phương thức đã nêu trong đề án.

- Rút kinh nghiệm công tác tổ chức tuyển sinh năm 2016, trường sẽ đưa ra các điều chỉnh cần thiết đối với tuyển sinh 2017 và các năm tiếp theo trình Bộ GD&ĐT.

2. Cam kết

- Tổ chức tuyển sinh đúng quy chế dưới sự chỉ đạo, giám sát của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện nghiêm túc, an toàn, đúng quy định trong tất cả các khâu của công tác tuyển sinh.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, thi tuyển.

- Đảm bảo tổ chức tuyển sinh một cách nghiêm túc, công bằng, khách quan và chống mọi hiện tượng tiêu cực.

- Công bố rộng rãi, công khai các thông tin về hoạt động tuyển sinh của trường để xã hội, phụ huynh và thí sinh theo dõi, giám sát.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kịp thời. Kết thúc kỳ tuyển sinh năm 2016, Trường tiến hành tổng kết, đánh giá và rút kinh nghiệm, báo cáo Bộ GD&ĐT.

- Xử lý nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật các hiện tượng tiêu cực, hành vi vi phạm quy chế./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục;
- Lưu: VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

PGS,TS. Nguyễn Mạnh An

Phụ lục 1

QUY CHẾ TUYỂN SINH VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Việc tổ chức tuyển sinh hàng năm Nhà trường thực hiện theo đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hướng dẫn;

Tổ chức xét tuyển sử dụng kết kỳ thi THPT quốc gia do trường đại học chủ trì, và xét kết quả học tập ở bậc THPT tuân thủ theo các quy định tại các phần 2, 3 của Đề án;

Tổ chức thi các môn năng khiếu: các quy trình ra đề thi, sao in, bảo mật đề thi, tổ chức coi thi, chấm thi, phúc khảo... thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ GD&ĐT ban hành.

Trường sẽ tiếp tục ban hành các văn bản hướng dẫn và tổ chức thực hiện các nội dung tuyển sinh 2016, công khai Thông tin tuyển sinh tại trang Web tuyển sinh của Trường, địa chỉ: <http://www.hdu.edu.vn>

Phụ lục 2**KẾT QUẢ TUYỂN SINH CỦA TRƯỜNG 5 NĂM QUA**

Thứ tự	Năm	Chỉ tiêu	Thực tuyển	Ghi chú (tỷ lệ%)
1	2011	2790	2241	80,32
2	2012	2790	2288	82,01
3	2013	2650	2602	98,19
4	2014	2630	2306	87,68
5	2015	2470	2567	103,93

Phụ lục 3**CÁC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG**

TT	Tên ngành	Mã số	Trình độ	Quyết định (số, ngày)
1	Sư phạm Toán học	52140209	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
2	Toán học	52460101	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
3	Sư phạm Ngữ văn	52140217	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
4	Văn học	52220330	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
5	Nông học	52620109	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
6	Khoa học cây trồng	52620110	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
7	Sư phạm Vật lý	52140211	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
8	Công nghệ thông tin	52480201	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
9	Sư phạm Lịch sử	52140218	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
10	Chăn nuôi	52620105	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
11	Sư phạm Hóa học	52140212	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
12	Sư phạm Sinh học	52140213	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
13	Sư phạm Tiếng Anh	52140231	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
14	Quản trị kinh doanh	52340101	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
15	Kế toán	52340301	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
16	Bảo vệ thực vật	52620112	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
17	Nuôi trồng thủy sản	52620301	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
18	Giáo dục Tiểu học	52140202	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
19	Sư phạm Địa lý	52140219	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
20	Giáo dục Mầm non	52140201	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
21	Việt Nam học	52220113	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
22	Lịch sử	52220310	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
23	Vật lý học	52440102	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
24	Địa lý học	52310501	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
25	Xã hội học	52310301	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
26	Tâm lý học	52310401	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
27	Tài chính-Ngân hàng	52340201	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
28	Lâm nghiệp	52620201	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
29	Kỹ thuật công trình XD	52580201	ĐH	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
30	Kinh doanh nông nghiệp	52620114	ĐH	5869/QĐ-BGDĐT ngày 12/12/2013
31	Công nghệ KTMT	52510406	ĐH	221/QĐ-BGDĐT ngày 23/01/2014
32	Giáo dục thể chất	52140206	ĐH	2620/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2014
33	Luật	52380101	ĐH	512/QĐ-BGDĐT ngày 14/02/2015
34	Kỹ thuật điện, điện tử	52520201	ĐH	605/QĐ-BGDĐT ngày 02/3/2015

TT	Tên ngành	Mã số	Trình độ	Quyết định (số, ngày)
35	Quản lý tài nguyên và môi trường	52850101	ĐH	5791/QĐ-BGDĐT ngày 25/11/2015
36	Sư phạm Toán học	51140209	CD	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
37	Sư phạm Hóa học	51140212	CD	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
38	Sư phạm Vật lý	51140211	CD	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
39	Sư phạm Sinh học	51140213	CD	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
40	Sư phạm Ngữ văn	51140217	CD	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
41	Sư phạm Lịch sử	51140218	CD	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
42	Sư phạm Địa lý	51140219	CD	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
43	Giáo dục công dân	51140204	CD	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
44	Giáo dục Tiểu học	51140202	CD	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
45	Sư phạm Tiếng Anh	51140231	CD	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
46	Quản trị kinh doanh	51340101	CD	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
47	Lâm nghiệp	51620201	CD	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
48	Công nghệ thông tin	51480201	CD	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
49	Kế toán	51340301	CD	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
50	Giáo dục Thể chất	51140206	CD	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
51	Giáo dục Mầm non	51140201	CD	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
52	Quản lý đất đai	51850103	CD	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
53	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	51510301	CD	6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010

Phụ lục 4

DANH MỤC CÁC NGUỒN LỰC ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu:

TT	Tên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Số giảng viên cơ hữu đúng ngành đào tạo theo chức danh khoa học, trình độ đào tạo (tham gia chủ trì chính ngành đào tạo)					
			GS	PGS	TSKH	TS	ThS	ĐH
1	SP Toán học	ĐH				8	17	
2	SP Vật lý	ĐH		1		2	5	
3	SP Hoá học	ĐH		1		2	6	
4	SP Sinh học	ĐH		1		3	5	
5	SP Ngữ văn	ĐH		5		6	10	
6	SP Lịch sử	ĐH		2			2	
7	SP Địa lý	ĐH				1	3	
8	SP Tiếng Anh	ĐH				1	16	
9	Giáo dục Tiểu học	ĐH				2	4	
10	Giáo dục Mầm non	ĐH				3	8	2
11	Địa lí học	ĐH		1			3	
12	Việt Nam học	ĐH				1	7	1
13	Xã hội học	ĐH				1	9	1
14	Quản lý tài nguyên và Môi trường	ĐH				2	4	
15	Tâm lý học	ĐH				5	14	
16	Công nghệ thông tin	ĐH				4	5	
17	Kỹ thuật công trình xây dựng	ĐH		1		1	13	
18	CN Kỹ thuật MT	ĐH				2	3	
19	Kỹ thuật điện, điện tử	ĐH		1		1	4	
20	Kế toán	ĐH				3	9	
21	Quản trị kinh doanh	ĐH				4	5	
22	Tài chính - Ngân hàng	ĐH				2	11	5
23	Nông học	ĐH		1		3	4	
24	Chăn nuôi	ĐH				1	6	
25	Bảo vệ thực vật	ĐH		2		1	7	1
26	Lâm nghiệp	ĐH				2	3	

TT	Tên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Số giảng viên cơ hữu đúng ngành đào tạo theo chức danh khoa học, trình độ đào tạo (tham gia chủ trì chính ngành đào tạo)					
			GS	PGS	TSKH	TS	ThS	ĐH
27	Toán học	ĐH				1	4	
28	Nuôi trồng thủy sản	ĐH				1	6	
29	Kinh doanh nông nghiệp	ĐH				4	7	
30	Luật	ĐH				4	8	2
31	Kỹ thuật điện, điện tử	ĐH				2	4	
32	Giáo dục thể chất	ĐH				4	6	
33	Vật lý	ĐH				2	4	2
34	Văn học	ĐH				4	2	
35	Lịch sử	ĐH				2	3	
36	SP Toán học	CĐ					7	1
37	SP Vật lý	CĐ					3	
38	SP Hoá học	CĐ					3	
39	SP Sinh học	CĐ					3	
40	SP Ngữ Văn	CĐ					4	
41	SP Địa lý	CĐ					3	
42	SP Lịch sử	CĐ				1	2	
43	Giáo dục Mầm non	CĐ					4	9
44	Giáo dục Tiểu học	CĐ					6	2
45	SP Tiếng Anh	CĐ					7	6
46	Kế toán	CĐ					11	4
47	Quản trị kinh doanh	CĐ					3	2
48	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	CĐ					6	2
49	Quản lý đất đai	CĐ					12	
50	Công nghệ thông tin	CĐ					3	4
51	Giáo dục công dân	CĐ					4	1
52	Lâm nghiệp	CĐ					3	1
53	Giáo dục thể chất	CĐ					4	3
Tổng cộng				16		87	317	50

2. Cơ sở vật chất:

	Đơn vị tính	Tổng số	Tổng số chia ra		
			Kiên cố	Bán kiên cố (cấp 4)	Nhà tạm
I - Đất đai nhà trường quản lý sử dụng					
Diện tích đất đai (Tổng số)	ha	57.5			
II- Diện tích sàn xây dựng (Tổng số)	m2	72776.5	70201.5	2575	
Trong đó:					
1- Hội trường/giảng đường/phòng học: Diện tích	m2	35383	35383		
Số phòng học	Phòng	218	218		
Trong đó:					
1.1 - Phòng máy tính	m2	5450	5450		
Số phòng	Phòng	20	20		
1.2 - Phòng học ngoại ngữ	m2	1200	1200		
Số phòng	Phòng	16	16		
1.3 - Phòng nhạc, họa	m2	300	300		
Số phòng	Phòng	4	4		
2. Thư viện/Trung tâm học liệu: Diện tích	m2	2685.5	2685.5		
Số phòng	Phòng	9	9		
3-Phòng thí nghiệm: Diện tích	m2	2500	2500		
Số phòng	Phòng	30	30		
4- Xưởng thực tập, thực hành: Diện tích	m2	2575		2575	
Số phòng	Phòng	7		7	
5- Nhà tập đa năng: Diện tích	m2	2060	2060		
Số phòng	Phòng	1	1		
6- Nhà ở học sinh (ký túc xá): Diện tích	m2	27573	27573		
Số phòng	Phòng	467	467		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN
ĐẠI HỌC/CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2016
(Theo phương thức sử dụng kết quả học tập ở THPT)

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Hồng Đức.

Họ và tên: Số CMND

Ngày sinh: .. / .. / Nơi sinh:

Địa chỉ:

Điện thoại liên lạc (để Trường báo tin):

Tên trường THPT (học lớp 12):

Khu vực: KV1, KV2-NT, KV2, KV3. Đối tượng ưu tiên: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07. *(khoanh tròn vào khu vực và đối tượng ưu tiên, nếu có)*

Sau khi nghiên cứu và tìm hiểu rõ các quy định về tiêu chí, điều kiện xét tuyển của nhà trường. Tôi đăng ký xét tuyển vào ngành:

Mã ngành:

Tổ hợp môn xét tuyển (ghi rõ 3 môn):

Kết quả học tập (điểm trung bình chung năm học) ở các lớp 10, 11 và 12 của các môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển:

Môn	Điểm TB năm	Điểm TB năm	Điểm TB
Lớp	Môn 1:.....	Môn 2:.....	Môn 3:.....
Lớp 10			
Lớp 11			
Lớp 12			
Điểm TB			

Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên là đúng. Nếu sai, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 2016

NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

(Ký, họ tên)

THÔNG TIN TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2016

Số TT	Tên trường Ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành đào tạo	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu
	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC	HDT			2010
	Số 565 Quang Trung, phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa. ĐT: (037) 3910.222; 3910.619 Fax: (037) 3910.475 Website: www.hdu.edu.vn				
I	Bậc đại học				1765
1	Quản lý tài nguyên và môi trường		D850101	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Hóa-Sinh 3. Toán-Văn-T.Anh 4. Văn-Sử-Địa	70
2	Kỹ thuật công trình xây dựng		D580201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	60
3	Công nghệ kỹ thuật môi trường		D510406	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	60
4	Kỹ thuật điện, điện tử		D520201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	60
5	Công nghệ thông tin		D480201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	60
6	Nông học (định hướng công nghệ cao)		D620109	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh 4. Toán-Văn-T.Anh	50
7	Chăn nuôi (Chăn nuôi-Thú y)		D620105	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh 4. Toán-Văn-T.Anh	50
8	Nuôi trồng thủy sản		D620301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh 4. Toán-Văn-T.Anh	50
9	Bảo vệ thực vật		D620112	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh 4. Toán-Văn-T.Anh	50
10	Lâm nghiệp		D620201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh 4. Toán-Văn-T.Anh	50

Số TT	Tên trường Ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành đào tạo	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu
11	Kinh doanh nông nghiệp		D620114	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh 4. Toán-Văn-T.Anh	50
12	Kế toán		D340301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh 4. Toán-Văn-Hóa	130
13	Quản trị kinh doanh		D340101	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh 4. Toán-Văn-Hóa	60
14	Tài chính-Ngân hàng		D340201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh 4. Toán-Văn-Hóa	50
15	Địa lí học (định hướng Địa chính)		D310501	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	50
16	Xã hội học (định hướng Công tác xã hội)		D310301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	50
17	Việt Nam học (định hướng Quản lý Du lịch-Khách sạn)		D220113	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	50
18	Tâm lý học (định hướng Quản trị nhân sự)		D310401	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Hóa-sinh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	50
19	Luật		D380101	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Văn-T.Anh 4. Văn-Sử-Địa	70
20	Sư phạm Toán học		D140209	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	70
21	Sư phạm Vật lí		D140211	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	50
22	Sư phạm Hóa học		D140212	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Hóa-Sinh	50
23	Sư phạm Sinh học		D140213	1. Toán-Hóa-Sinh 2. Toán-T.Anh-Sinh 3. Toán-Văn-Sinh	50
24	Sư phạm Ngữ văn		D140217	1. Văn-Sử-Địa 2. Toán-Văn-T.Anh	60

Số TT	Tên trường Ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành đào tạo	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu
25	Sư phạm Lịch sử		D140218	Văn-Sử-Địa	50
26	Sư phạm Địa lí		D140219	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	50
27	Sư phạm tiếng Anh		D140231	1. Toán-Lý-T.Anh 2. Toán-Văn-T.Anh	70
28	Giáo dục Tiểu học		D140202	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-T.Anh 3. Toán-Văn-Năng khiếu (Đọc, kể diễn cảm và Hát)	65
29	Giáo dục Mầm non		D140201	Toán-Văn-Năng khiếu (Đọc, kể diễn cảm và Hát)	90
30	Giáo dục thể chất		D140206	Toán-Sinh-Năng khiếu (Bật xa tại chỗ và chạy 100m)	40
II	Bậc cao đẳng				245
1	Quản lý đất đai		C850103	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh 4. Toán-Văn-T.Anh	35
2	Kế toán		C340301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh 4. Toán-Văn-Hóa	40
3	Quản trị kinh doanh		C340101	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh 4. Toán-Văn-Hóa	30
4	SP Ngữ văn (Văn-Sử)		C140217	1. Văn-Sử-Địa 2. Toán-Văn-T.Anh	30
5	Giáo dục Mầm non		C140201	Toán-Văn-Năng khiếu (Đọc, kể diễn cảm và Hát)	40
6	Giáo dục Tiểu học		C140202	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-T.Anh 3. Toán-Văn-Năng khiếu (Đọc, kể diễn cảm và Hát)	40
7	SP Tiếng Anh		C140231	1. Toán-Lý-T.Anh 2. Toán-Văn-T.Anh	30

Ghi chú:

- Về tuyển sinh đào tạo liên thông: Liên thông từ cao đẳng lên đại học tuyển sinh tất cả các ngành. Liên thông từ trung cấp lên đại học 5 ngành: GD Mầm non, Kế toán, Nông học, Lâm nghiệp và Chăn nuôi (Chăn nuôi-Thú y).

Thí sinh đăng ký dự thi kỳ thi THPT Quốc gia theo tổ hợp môn thi của ngành dự kiến đăng ký học liên thông tương ứng.

- Ngành Giáo dục thể chất (D140206) tuyển sinh những thí sinh có ngoại hình cân đối, nam cao từ 1,65m, nữ cao từ 1,55m.

- Thi năng khiếu: Tại Trường Đại học Hồng Đức, dự kiến thời gian thi từ ngày 20-26/7/2016 (*có thông báo cụ thể*).

- Môn thi năng khiếu:

+ Ngành **GD Mầm non, GD Tiểu học** gồm: Đọc, kể diễn cảm và Hát.

+ Ngành **Giáo dục thể chất**, gồm: Bật xa tại chỗ và chạy 100m

+ Điểm tối thiểu môn năng khiếu đăng ký vào ngành GD Mầm non phải đạt từ 4,0 điểm trở lên, ngành GD Thể chất phải đạt từ 5,0 (theo thang điểm 10).

+ Đối với các ngành xét tuyển có môn năng khiếu, Trường sẽ tổ chức thi môn năng khiếu. Thời gian tổ chức thi môn năng khiếu sẽ được thông báo trên website của Trường và các phương tiện truyền thông khác.